

MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI Ở LÀNG CÔNG GIÁO ĐỊA BÀN HÀ NỘI (QUA TRƯỜNG HỢP LÀNG PHÙNG KHOANG)

PGS. TS Nguyễn Quang Hưng*

Với trên 3/4 dân số Việt Nam hiện đang sinh sống ở các vùng nông thôn, làng xã Việt Nam vô cùng phong phú với những khác biệt về văn hoá vùng miền, ngành nghề, tín ngưỡng tôn giáo,... Bên cạnh các loại hình làng Việt như làng thuần nông, làng buôn, làng chài, làng nghề,... còn có làng công giáo. Làng Công giáo ở Việt Nam được hình thành từ thời tiền thuộc địa, có bề dày lịch sử hàng thế kỷ, với con số hàng trăm, riêng trên địa bàn Hà Nội cũng có hàng chục làng, trong đó có làng toàn tông và làng “xôi đồ” tức là các làng mà dân công giáo sống với dân ngoài công giáo.¹

Dù vậy, những nghiên cứu về làng công giáo của chúng ta mới ở bước đầu². Nhân dịp Hội thảo kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, bài viết trình bày một số vấn đề xã hội ở làng công giáo trên địa bàn Hà Nội. Những dẫn chứng trong bài là kết quả nghiên cứu thực địa tại Phùng Khoang (xã Trung Văn, Từ Liêm), một trong những làng công giáo khá điển hình. Tuy nhiên, làng công giáo rất đa dạng. Số liệu ở một địa phương không đủ để khái quát bức tranh chung về làng công giáo ở Việt Nam. Do vậy, đây chỉ là những khởi thảo ban đầu, cần tiếp tục có những nghiên cứu bổ sung để chúng ta đánh giá các vấn đề toàn diện và đầy đủ hơn.

1. Tổng quan về làng Phùng Khoang

Những cư dân đầu tiên tới sinh sống, khai phá lập nghiệp trên vùng đất thuộc Phùng Khoang hiện nay có lẽ cũng cả ngàn năm nay, nhưng thời đó dân cư thưa thớt. Lúc đầu trên vùng đất này hình thành làng Mọc. Sau đó, với sự gia tăng của dân cư, làng Mọc chia thêm thành 4 làng nữa, trong đó có Nhân Chính, Phùng Khoang,... Hiện nay, lễ hội làng Mọc vẫn được tiến hành hàng năm theo hình thức luân phiên giữa 5 làng này. Phùng Khoang là một trong những làng tương đối lâu đời. Khó xác định làng được hình thành chính xác vào năm nào, nhưng nếu căn cứ vào bia đá dựng ở Thanh Xuân tự trên địa

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

phận làng hiện nay, đề năm Chính Hoà thứ 13 (1692), có thể khẳng định làng được hình thành vào cuối thế kỷ XVII. Địa danh Phùng Khoang (trước kia là Phùng Quang) lần đầu tiên được nhắc tới trong *Lịch triều tạp kỷ* năm 1723 khi vua Lê Dụ Tông chia lại địa giới một số huyện, trong đó có việc cắt thôn Phùng Quang từ huyện Thanh Trì chuyển về huyện Từ Liêm, xứ Sơn Tây³.

Phùng Khoang là làng có đời sống tinh thần phong phú. Đình làng được xây dựng từ thế kỷ XVII, thờ Thành hoàng Đoàn Thượng, một vị tướng cuối thời Lý thế kỷ XIII. Một số di tích từ thời nhà Lê còn được giữ lại. Hiện đình còn giữ được 6 văn bia, trong đó văn bia cổ nhất được xây dựng vào năm 1698. Có 9 sắc phong của các vua triều Lê và triều Nguyễn. Trong đình còn có câu đối kể về tướng quân Đoàn Thượng trong cuộc chiến bảo vệ nhà Lý giai đoạn suy tàn. Chùa làng Phùng Khoang có tên là Thanh Xuân tự được xây lại vào năm 1877. Trước đó, đó là một cái quán của thân tộc nhà Trịnh là nơi Trịnh Tráng từng họp nội tộc để truyền ngôi cho Trịnh Tùng. Hiện còn giữ được văn bia được xây năm 1692. Về sau, quán này được sửa thành Thanh Xuân tự ngày nay. Cả đình và chùa đều đã được trùng tu và được Bộ Văn hoá công nhận là di tích lịch sử năm 1991. Lễ hội của làng được tổ chức hàng năm vào ngày 8/1 Âm lịch, đã từng bị gián đoạn trong suốt thời kỳ chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, mới được khôi phục lại đôi chục năm gần đây.

Những thừa sai công giáo đầu tiên tới làng Phùng Khoang có lẽ ngay từ đầu thế kỷ XVII bởi nơi đây không xa kinh thành Thăng Long. Tức là vào thời điểm thành lập làng thì đã có người công giáo. Tuy nhiên, khi đó do bối cảnh của các cuộc cấm đạo, nhất là dưới triều Nguyễn, nên dân công giáo còn thưa thớt. Giáo xứ Phùng Khoang chỉ được hình thành từ cuối thế kỷ XIX. Nhà thờ xứ được khánh thành năm 1910, tức là vừa tròn một thế kỷ⁴. Trong lịch sử, Phùng Khoang đã từng là một giáo xứ lớn, khi vào thời điểm trước Thế chiến II đã có tới 1.689 giáo dân (1939)⁵.

Phùng Khoang có truyền thống là làng thuần nông; trước đây, có thêm nghề làm dâu thưng. Dân chúng có câu "Tiền làng Mọc, thóc làng Khoang". Chỉ từ những năm 1990, nơi đây diễn ra những thay đổi lớn về kinh tế - xã hội. Giờ đây, 2/3 số dân làng sống bằng các nghề dịch vụ và thủ công. Đời sống nhân dân được cải thiện, thu nhập bình quân tính theo đầu người đạt 700 USD (2007). Dân trí trong làng được nâng cao. Từ 1995 - 2005, làng có tới 69 người theo học tại các trường đại học hoặc cao đẳng. Không ít gia đình có 3 - 4 con học đại học. Hầu hết các gia đình đều đã có ti vi, điện thoại, xe máy, cho thấy mức sống nơi đây thuộc loại khá giả, như các vùng ngoại thành các thành phố lớn khác. Nơi đây có khoảng 4 ngàn sinh viên của nhiều trường thuê trọ như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Hà Nội, Học viện Bưu chính, Đại học Kiến trúc,... nghĩa là hơn cả số dân chính cư của làng. Trên 90% số gia đình có phòng trọ cho thuê. Quá trình đô thị hoá cũng đang diễn ra với một tốc độ chóng mặt. Có lẽ chỉ vài năm nữa cái tên "làng Phùng Khoang" chỉ còn trong hoài niệm. Cái "làng sinh viên" không trong quy hoạch này cũng là nơi thường xuyên xảy ra các tệ nạn như mại dâm, cờ bạc, trộm cắp,...

Hiện Phùng Khoang là một trong 2 thôn của xã Trung Văn nằm trên quốc lộ 6 đoạn Hà Nội - Hà Đông, tiếp giáp với quận Thanh Xuân và thị xã Hà Đông. Với diện tích tự nhiên khoảng 120 ha, dân chính cư của làng có 2.100 người chia thành giáp lương và giáp giáo. Làng có 1.064 người công giáo (2005), chiếm hơn nửa trong tổng số 1.850 dân công giáo của giáo xứ Phùng Khoang (1995).

Tổng quan làng Phùng Khoang cho thấy đây là một làng có bề dày lịch sử, đang có sự phát triển kinh tế sôi động, nhưng cũng đang đặt ra nhiều vấn đề xã hội phức tạp.

2. Người công giáo và người ngoài công giáo nhìn từ góc độ văn hoá - tôn giáo

Từ góc độ văn hoá - tôn giáo, đã có nhiều thay đổi từ cả hai phía người công giáo và người ngoài công giáo trong nửa thế kỷ qua. Công đồng Vatican II (1962 - 1965) cho phép người công giáo thờ cúng tổ tiên. Giờ đây, người công giáo đang tích cực tham gia vào quá trình hội nhập với văn hoá dân tộc. Về phía người ngoài công giáo, công cuộc Đổi mới và sự sụp đổ của Chủ nghĩa Xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, đã cho phép nhà nước Việt Nam thi hành một chính sách cởi mở hơn đối với tôn giáo, mà Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị năm 1990 đã tạo ra bước ngoặt. Mặc dầu vậy, vẫn có những sự khác biệt đáng kể trong thế giới quan và nhân sinh quan của hai cộng đồng này. "Vấn đề nghi lễ" nảy sinh do những khác biệt giữa người công giáo và người ngoài công giáo trong quan niệm về những lễ nghi và giá trị xã hội, đã xuất hiện ngay từ thế kỷ XVII. Trong khi người công giáo chịu ảnh hưởng của văn hoá châu Âu, Kitô giáo, thì người ngoài công giáo vẫn chịu ảnh hưởng của văn hoá truyền thống Á Đông, Nho giáo. Đối với người ngoài công giáo thì trọng những giá trị trung, hiếu, nghĩa, trí, tín, với tinh thần trung quân ái quốc coi vua là trên hết thì trong tâm tư tình cảm của người công giáo vị trí đó lại dành cho đức Giêsu Kitô, mặc dù Giáo hội vẫn khuyến tín hữu quy phục hoàng đế. Giáo hội không cho phép thờ cúng tổ tiên, dù rằng điều răn thứ 4 vẫn khuyến người Kitô hữu hãy thảo kính cha mẹ. Trong khi người ngoài công giáo xuất phát từ tục thờ cúng tổ tiên, trọng nam khinh nữ, cho phép đa thê⁶, thì người công giáo lại chủ trương chế độ một vợ một chồng. Chính "vấn đề nghi lễ" là một trong những lý do khiến các chúa Trịnh và chúa Nguyễn cấm đạo. Như Alexandre De Rhodes mô tả một chỉ dụ cấm đạo của Trịnh Tráng ban hành năm 1628: "Chúa [Trịnh Tráng- TG] giận chúng tôi [các thừa sai - TG] vì chúng tôi bắt dân tân tông phải li dị các vợ mọn. Chúa gửi một văn thư (...) được thảo tương tự như sau: "Đạo nào (hờ các người) các người giảng trong nước ta? Các người truyền cho thần dân ta chỉ được lấy một vợ mà ta thì muốn có nhiều để sinh nhiều con trung thành với ta. Từ nay các người hãy gạt đi, đừng giảng đạo đó nữa. Nếu các người không tuân lệnh thì ta sẽ chém đầu các người và ngăn cấm các người từ nay chớ tiếp tục làm điều ta cấm"⁷. Việc cấm đạo càng trở lên gay gắt dưới triều Nguyễn. Ngoài lý do về mối liên hệ giữa truyền giáo và chủ nghĩa thực dân ngày càng thể hiện rõ với những hoạt động của Pigneau de Behaine, còn có lý do khá cơ bản là triều Nguyễn coi Nho giáo là quốc giáo. Một triều đình cai trị dựa trên những chuẩn mực đạo đức - chính trị của Nho giáo sẽ không còn tính hợp thức, tính chính danh nếu một ngày kia Việt Nam trở thành quốc gia Kitô giáo.

Những khác biệt về quan niệm lễ nghi và chuẩn mực xã hội giữa hai cộng đồng không giảm đi cả sau năm 1945, khi Việt Minh tuyên truyền thế giới quan duy vật và vô thần mác xít. Các danh từ "giáo dân" và "lương dân" vốn được sử dụng từ thời nhà Nguyễn, được tiếp tục sử dụng trong các văn bản của nhà nước mãi tới cuối những năm 1980.

Trước khi "vấn đề nghi lễ" trở nên trầm trọng thì người công giáo và ngoài công giáo ở Phùng Khoang sống với nhau khá hoà thuận. Dân ngoài công giáo từng giúp dân công giáo xây dựng nhà thờ xứ. Một số gia đình công giáo vẫn có bà con, họ hàng là người ngoài công giáo và họ vẫn thường ăn giỗ, tết,... cùng nhau. Không ít người bên này kết hôn với người bên kia (xem: *Phụ lục*). Cho tới đầu thế kỷ XX, tuy là một làng công giáo, nhưng Phùng Khoang vẫn tuân thủ nhiều phong tục như những làng khác của Tổng Đại

Mỗ, chẳng hạn như quy định năm 1910 của Tổng Đại Mỗ về ngôi thứ chốn đình trung: "Ở các xã Tây Mỗ, Phú Thứ, Phú Đô, Ngọc Trục, Vạn Phúc, Mộ Lao, Phùng Khoang đặt lệ ngôi thứ trong chốn đình trung là, nếu như có các vị khoa bảng quan viên hoặc chức sắc, hoặc chánh phó tổng, lý trưởng thì mới ngồi chiếu trên. Số còn lại thì căn cứ theo tuổi tác mà ngồi"⁸. Hay như quy định về chia ruộng: "Xã Phùng Khoang từ trước đến nay cấp ruộng cho lính mỗi người 1 mẫu 5 sào, không có thu bổ gì cả, ruộng lấy của công cấp cho"⁹.

Tuy vậy, không khó nhận ra một số khác biệt giữa hai cộng đồng dân cư trong làng. Dân làng Phùng Khoang chia thành 2 giáp: giáp lương và giáp giáo tương đối biệt lập. Các gia đình công giáo không có bàn thờ tổ tiên. Họ có quan niệm khác về lòng hiếu thảo với người Việt truyền thống. Trong khi người công giáo không nặng về sinh con trai hay con gái thì điều này không dễ dàng chút nào đối với nhiều gia đình ngoài công giáo. Ngoại trừ Tết Nguyên Đán và Trung thu, người công giáo không đón các lễ tết khác như *Nguyễn Tiêu* (15 tháng Giêng), *Thanh Minh* (3 tháng Ba), *Đoan Ngọ* (5 tháng Năm) và *Vu Lan* (Rằm tháng Bảy), trong khi đó lại linh đình trong các dịp lễ khác của riêng Công giáo mà rõ nhất là lễ Giáng sinh, Phục sinh. Vào các ngày Chủ nhật, dân công giáo nghỉ làm việc, đi lễ nhà thờ. Tùy từng gia đình, nhưng nhìn chung, các giỗ tết bên các gia đình công giáo có ăn uống, nhưng giản tiện hơn nhiều gia đình bên ngoài công giáo.

Từ cuối thế kỷ XIX khi hình thành giáo xứ Phùng Khoang, người công giáo và người bên lương sống thành 3 khu tương đối biệt lập trong một làng. Họ tổ chức các lễ hiếu, hi theo những nghi thức khác nhau. Ngoại trừ ngày giỗ, dân bên công giáo không tổ chức các nghi lễ khác như 49 hay 100 ngày cho người quá cố. Khác với bà con bên ngoài công giáo, bên công giáo không bốc mộ, mà quy hoạch nghĩa địa riêng của họ (như họ vẫn gọi là Vườn Thánh) riêng ngay bên khu nghĩa địa của người ngoài công giáo và cất cứ một gia đình công giáo thường xuyên chịu trách nhiệm coi sóc. Trong khi nghĩa địa người ngoài công giáo chỉ dùng tạm thời cho thời gian hung táng, thì nghĩa địa của người công giáo được quy hoạch gọn ghẽ tới từng ngôi mộ.

3. Phùng Khoang trước Đổi mới

Trong thời kỳ thuộc địa, chính quyền thuộc địa đã tuyển dụng nhiều thanh niên vào quân đội và một số người bị đưa sang châu Âu trong thời gian Thế chiến I và Thế chiến II. Những người này nhận được một số đặc ân, chẳng hạn như theo hương ước của xã Đại Mỗ, mỗi gia đình của những quân nhân người Việt phục vụ trong quân đội Pháp được nhận 1 mẫu 5 sào đất canh tác. Nhiều người cũng bị sung vào thực hiện các công việc khổ sai của chính quyền thuộc địa. Năm 1924, nhà xứ đã mở một trường tiểu học miễn phí dành cho con em trong làng, cả bên công giáo và ngoài công giáo. Giáo viên của trường cũng như các chức sắc trong làng bao gồm cả người công giáo và ngoài công giáo. Nhìn chung thì cũng không có xung đột giữa hai cộng đồng này ngoại trừ một vụ tranh chấp đất đai năm 1934¹⁰.

Ngay những ngày đầu sau Cách mạng tháng Tám, du kích làng đã có cuộc họp tại đình làng, ủng hộ chính quyền mới. Nạn đói Ất Dậu 1945, ở Phùng Khoang có 40 người chết đói, phần lớn là dân ngoài công giáo. Dù vậy, dân đã quyên góp được 15 tấn thóc trong phong trào "tuần lễ vàng"¹¹. Từ đầu 1947 thì nơi đây lại bị Pháp chiếm đóng. Đình, chùa bị đốt cháy theo lời kêu gọi tiêu thổ kháng chiến của Việt Minh¹². Trong số liệt sỹ chống Pháp của làng, có

cả người công giáo. Tuy nhiên, đây là vùng tạm chiếm, vị linh mục trông coi xứ này cũng ở vào thế phải hợp tác với Pháp. Nơi đây, chính quyền thuộc địa đã xây dựng một lô cốt. Đã có chuyện một số du kích bị chính người làng phát hiện và giết chết¹³.

Tuy nhiên, ngay sau Hiệp định Geneva năm 1954, có tới trên ba trăm người làng Phùng Khoang, chiếm khoảng 40% dân số trong làng, di cư vào Nam, trong đó đa phần là người công giáo. Trong khi đó, toàn địa phận Hà Nội chỉ có 9% dân công giáo di cư vào Nam¹⁴. Từ cuối những năm 1950 bắt đầu phong trào hợp tác xã thì có tới 90% hộ trong làng vào hợp tác xã. Nhiều gia đình bên công giáo cũng phải vào hợp tác xã¹⁵. Trong số 8 gia đình không vào hợp tác xã có cả các hộ dân công giáo. Trong thời gian chiến tranh ác liệt, 174 thanh niên của làng đã tham gia quân đội bao gồm cả người công giáo và ngoài công giáo. Một số gia đình có tới 2 - 3 người con nhập ngũ. Trong những năm 1960, nhất là 1964, sản xuất nông nghiệp bị đình đốn, một nửa số hộ nông dân muốn ra khỏi hợp tác. Chính quyền xã đã phải đề nghị giúp đỡ từ trên thành phố. Trong thời gian đó, Chi bộ Đảng chỉ kết nạp được 20 đảng viên¹⁶, có 1 trong số 74 đảng viên của đảng bộ xã Trung Văn bị khai trừ, 6 người khác bị những hình thức kỷ luật khác nhau¹⁷. Sản xuất của làng trong suốt thời kỳ hợp tác xã cấp thấp và cấp cao không có những tiến triển đáng kể, thường chỉ đạt 4 tấn thóc/ha, bội thu nhất là 4,69 tấn/ha (1985). Nhìn chung, nền kinh tế của làng trước Đổi mới cũng giống như nhiều địa phương khác, bị đình đốn.

4. Một số vấn đề xã hội hiện nay

Điều ta dễ nhận thấy là song song với việc cải thiện đời sống kinh tế, thời gian gần đây sinh hoạt tôn giáo đã được cải thiện nhiều. Đình chùa Phùng Khoang đã được tu bổ. Vào những ngày rằm, mùng 1, Tết, Phật Đản, dân đi lễ rất đông. Hội làng được khôi phục lại đôi chục năm gần đây và đã được tổ chức định kỳ hàng năm.

Việc sinh hoạt tôn giáo ở xứ đạo Phùng Khoang nay đã được thuận lợi hơn nhiều so với thời kỳ trước Đổi mới. Trước đây, dân công giáo ở Phùng Khoang thiếu người coi sóc. Mọi sinh hoạt tôn giáo, kể cả việc rước kiệu cũng chỉ được tiến hành trong khuôn viên nhà thờ. Quan hệ giữa chính quyền địa phương và nhà xứ những năm đầu sau Hiệp định Geneva xấu đi sau cuộc di cư và cải cách ruộng đất. Đội cải cách ruộng đất đã cho một nữ giáo dân cốt cán đầu tổ trực tiếp linh mục xứ Trần Đình Thủy, tuy không quy ông thành địa chủ¹⁸. Vị linh mục bị cách ly với giáo dân, bị bỏ đói, nhưng sau đó trong quá trình sửa sai thì ông được thả. Việc ông mất năm 1957 do tuổi già, nhưng một số người vẫn cho rằng cái chết của ông một phần là do cải cách ruộng đất. Cũng cần nhấn mạnh sau di cư, việc thiếu linh mục là một căn bệnh kinh niên của các giáo phận miền Bắc. Nhiều đại chủng viện, trong đó cả Đại chủng viện thánh Giuse ở Toà Giám mục Hà Nội bị đóng cửa. Một linh mục phải trông coi nhiều xứ đạo. Việc linh mục đi lại giữa các xứ đạo không bị cấm, nhưng bị hạn chế và phải xin phép nhiều khê. Đôi khi nhà thờ không có thánh lễ cả dịp Giáng sinh¹⁹. Tình hình gần đây có được cải thiện với việc Đại chủng viện thánh Giuse ở Hà Nội được mở cửa trở lại năm 1982 và mới đây đã được tuyển chủng sinh hàng năm. Phó tế Phêrô Nguyễn Văn Nghị, người làng Phùng Khoang, từng được giáo hội phong linh mục chui vì ông bị chính quyền quy vào thành phần lý lịch, từng bị cầm tù 9 năm. Đầu những năm 1990, ông mới được phép theo học Đại chủng viện thánh Giuse và được phong linh mục chính thức năm 1994. Từ đó đến nay, xứ đạo Phùng Khoang thường xuyên có người coi sóc. Ngày nay tới Phùng Khoang, người ta thấy một không khí sinh

hoạt tôn giáo ở cả hai giáp lương và giáo sôi động, tự do; những khó khăn về một thời chỉ còn nằm trong ký ức của người dân.

Về tổng thể phát triển của làng, hiện đang tồn tại một số vấn đề sau.

Thứ nhất, kinh tế phát triển chưa bền vững. Đô thị hoá thiếu đồng bộ và khiêu kiện đất đai ngày càng gia tăng. Đời sống và nguồn thu nhập chủ yếu của làng Phùng Khoang hiện dựa vào việc cho sinh viên thuê trọ và các dịch vụ kèm theo. Trong hai thập kỷ gần đây, diện tích đất canh tác của Phùng Khoang giảm đáng kể, thậm chí với tốc độ từng tháng. Thông tin trên mạng hiện nay về Phùng Khoang chủ yếu liên quan tới thị trường đất đai, bất động sản vô cùng sôi động. Là một "làng", nhưng hiện nay Phùng Khoang có diện tích canh tác bình quân mỗi người vài chục m², hầu như không còn diện tích cây xanh, thiếu khu vui chơi giải trí... Hồ, ao bị san lấp, lấn chiếm. Đầm Phùng Khoang (hay đầm Trung Văn) từng có mặt nước rộng 16 ha (2006) được mệnh danh là "lá phổi xanh" của làng đang bị thu hẹp dành chỗ cho dự án khu đô thị mới Phùng Khoang đã được thành phố phê duyệt, triển khai từ 2007²⁰. Với quỹ đất bị thu hẹp liên tục, hợp tác xã Thống Nhất của làng Phùng Khoang hoàn toàn bị động, khó có thể có một chiến lược kinh doanh, dịch vụ lâu dài.

Cùng với đó là những vấn đề lấn chiếm đất đai, khiêu kiện kéo dài. Việc dân kéo tới khiêu kiện ở Ủy ban Nhân dân xã Trung Văn đã trở thành chuyện "thường ngày ở huyện", đã từng xảy ra xô xát giữa dân với cán bộ xã. Đã có không ít cán bộ đảng viên bị kỷ luật vì tội lấn chiếm đất đai, nhưng điều đó không làm giảm những bức xúc của người dân. Với những tệ nạn như tham ô, hối lộ, thoái hoá biến chất của đội ngũ cán bộ địa phương, niềm tin của dân chúng vào chính quyền địa phương bị suy giảm nghiêm trọng.

Chuyện khiêu kiện đất đai ở Phùng Khoang không còn là cá biệt, mà phổ biến ở nhiều nơi, trở thành chuyện dài nhiều tập. Nó cho thấy, một mặt, những bất cập của Luật Đất đai hiện hành, mặt khác, sự bất lực và thoái hoá của một bộ phận không nhỏ cán bộ địa phương.

Thứ hai, cần phát huy vai trò của tôn giáo trong sự phát triển của địa phương. Ngay từ năm 1990, Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị đã khẳng định: "Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới".

Tuy nhiên, để phát huy vai trò của tôn giáo trong việc giải quyết những công việc chung, thì giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo cần có sự đồng thuận và hợp tác. Ở Phùng Khoang, trước Đổi mới hầu như giữa chính quyền địa phương và nhà xứ không có quan hệ gì. Hoạt động của Ban hành giáo ở Phùng Khoang vẫn được tiến hành, nhưng bị hạn chế, thường chịu sự giám sát chặt chẽ. Hiện nay, tình hình có được cải thiện. Thường xuyên có sự thăm hỏi giữa đôi bên, vào các dịp hội làng, lễ, Tết, nhưng chưa có sự hợp tác trong việc giải quyết các công việc chung ở địa phương như chống các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống mới,... Bên chính quyền thì kêu gọi phát huy vai trò của Ủy ban đoàn kết công giáo, điều mà cha xứ không mặn mà. Đôi khi cha xứ nhận được giấy mời tham dự các cuộc họp bên phía chính quyền, Mặt trận,... nhưng thường lấy lý do bận việc, cử người đi dự thay.

Do thiếu hợp tác đồng bộ, các cấp chính quyền chưa phát huy được vai trò của tôn giáo trong giáo dục đạo đức - xã hội và chống các tệ nạn xã hội. Như ta thấy, nhìn chung người công giáo Việt Nam có *quan niệm khá rõ ràng về ý nghĩa cuộc sống cũng như các giá trị*

đạo đức - xã hội. Điều này nằm trong giáo lý của Ki tô giáo. Cũng như các tôn giáo lớn khác, Ki tô giáo có tính hướng thiện. Trong số 10 điều răn, thảo kính cha mẹ là điều răn thứ 4. Các điều răn tiếp theo của người công giáo quy định "Người chớ giết người", "Người chớ phạm tội tà dâm." "Người chớ trộm cướp", "Người không được làm chứng gian hại người" (Xh. 20, 12 - 16). Thực tế, trong bối cảnh hiện nay, những tệ nạn xã hội như trộm cắp, mại dâm, ma tuý,... không trừ một ai, nhất là trong giới thanh niên, kể cả người công giáo. Ở Phùng Khoang, chúng tôi chưa có thống kê cụ thể, nhưng đa phần những tệ nạn trên là do dân ngụ cư và bên người ngoài công giáo. Về phía người làng, 1 trường hợp đua xe trái phép bị bắt giam là người công giáo. Một số thanh niên công giáo có chơi cờ bạc, nhưng thường là nhỏ. Có những thanh niên phạm tội, tuy trên mình có đeo thánh giá, nhưng dân làng cho biết họ không phải là người làng và có lẽ không phải dân công giáo. Ở Cổ Nhuế, chúng tôi cũng thấy tình hình tương tự. Theo thống kê sơ bộ, có tới 88 người nghiện hút, trong đó có cả ông già gần 70 tuổi, nhưng chính quyền xã chưa thấy có ai là dân công giáo.

Đặc biệt, cần khẳng định vai trò của tôn giáo trong giáo dục gia đình. "Phúc Âm có dạy: "Vậy, sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly" (Mc, 10, 9). Trong bối cảnh xã hội hiện đại, tỷ lệ ly hôn ngày càng gia tăng. Nhưng ở cả hai địa phương Phùng Khoang và Cổ Nhuế tuy có một số đôi sống ly thân, nhưng chưa có trường hợp nào ly hôn, trong khi số các đôi ly hôn bên phía người ngoài công giáo lên tới hàng chục và có khuynh hướng ngày càng gia tăng.

Vai trò của tôn giáo trong việc bảo vệ môi trường và an sinh xã hội cũng cần được quan tâm nghiên cứu. Trong bối cảnh phá rừng hiện nay đang trở thành phổ biến thì người ta vẫn biết tới một số địa danh tiên phong trong việc bảo vệ môi trường có gắn với tín ngưỡng, tôn giáo như "rừng cấm" ở Hà Giang, đồi lim ở Đền Và (Sơn Tây), đồi cây ở Tây Thiên Thiền Viện (Vĩnh Phúc)... lại luôn được chăm sóc. Bên cạnh việc sinh đốt vàng mã đang trở thành một tệ nạn thì ta cũng biết tới tục phóng sinh của Phật giáo. Theo quan niệm Ki tô giáo, "mọi sự sống trên thế gian này là do Thiên Chúa. Do vậy, huỷ hoại môi trường, sự sống là một tội lỗi".

Phùng Khoang chịu sự cai quản của Toà Giám mục Hà Nội. Đây là nơi luôn nhắc nhở dân chiên trong việc bảo vệ môi trường²¹. Nơi đây, đô thị hoá và phát triển nóng, vì thế nổi lên vấn đề ô nhiễm môi trường, dân sinh và các tệ nạn xã hội. Cùng với việc ô nhiễm không khí, nguồn nước, vì nơi đây đang là một đại công trường với những tiếng ồn từ các công trình xây dựng suốt ngày đêm, nổi bật lên là tình trạng mất vệ sinh an toàn thực phẩm. Nếu ai có dịp vào lò mổ Phùng Khoang thì không còn tâm trạng ăn cháo lòng, tiết canh. Điều đáng nói là cả lò mổ và khu chợ nằm sát với khu dân cư đông đúc. Tuy vậy, ta thấy dân công giáo tương đối có ý thức giữ gìn môi trường. Các công trình xây dựng được quy hoạch khá gọn. Ao nhà thờ đã được kè từ lâu để tránh lún chìm. Gần đây, nhà xứ đã cho lấp đi 1 ao mất vệ sinh, thay vào đó là một công viên cây xanh. "Vườn Thánh" được quy hoạch và giữ vệ sinh, hoàn toàn tương phản với nghĩa địa của dân ngoài công giáo bên cạnh.

Thứ ba, mối liên hệ giữa chính quyền địa phương với nhà thờ xứ chưa bền vững, cần được củng cố. Trên thực tế, việc kết nạp đảng viên vào Đảng Cộng sản đối với nhiều người công giáo vẫn còn không ít trở ngại. Mặc dầu trên danh nghĩa, Đảng Cộng sản không có văn bản nào phân biệt đối xử với đảng viên vì lý do tôn giáo, nhưng thực tế, ít người đảng viên công giáo nào nhận được sự ủng hộ cả từ phía tổ chức đảng lẫn giáo xứ.

Đây cũng là lý do khiến phần đông người công giáo không nhiệt tình vào đảng. Trong suốt thời kỳ từ 1954 - 1975, ở chi bộ đảng Phùng Khoang chỉ có 4 đảng viên là người công giáo và họ đa phần lại là những người không siêng năng đi lễ và không nhận được thiện cảm từ phía cha xứ²². Từ khi Đổi mới đến nay, tình hình có ít nhiều được cải thiện, nhưng số đảng viên là người công giáo vẫn không nhiều. Trong số 56 đảng viên của chi bộ Phùng Khoang chỉ có 4 người công giáo (2006). Trong số 17 bí thư chi bộ xã Trung Văn từ 1945-1995, không có người công giáo nào. Chính quyền địa phương cũng thừa nhận điều này. "Tồn tại: Nhận thức về quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ở một bộ phận đảng viên, quần chúng nhân dân còn hạn chế (...). Công tác xây dựng Đảng, Đoàn trong tín đồ các tôn giáo ở xã chậm được triển khai và gặp nhiều khó khăn. Chưa xây dựng được một lực lượng đáng kể là cốt cán, thành phần tiên tiến trong tôn giáo để giác ngộ quần chúng tín đồ noi theo. Cần tăng cường củng cố đội ngũ cán bộ cơ sở là chức sắc, tín đồ các tôn giáo"²³.

Tình hình ở làng Cổ Nhuế cũng tương tự. Đoàn thanh niên của xã cũng chỉ có 2 đoàn viên là người công giáo. Trong số 780 đảng viên (sinh hoạt ở 18 chi bộ đảng) chỉ có 2 người công giáo, tức 0,3% trong khi tỷ lệ người công giáo ở đây chừng 10%. Trong suốt 10 năm 1995 - 2005, Đảng bộ Cổ Nhuế không kết nạp được đảng viên mới nào là người công giáo²⁴.

Thêm vào đó, ta cũng thấy không có nhiều người công giáo giữ những trọng trách quan trọng trong cơ cấu bộ máy chính quyền địa phương. Cơ cấu bổ nhiệm cán bộ chú trọng sao cho có cả người công giáo và người ngoài công giáo, trong thành phần Ủy ban Nhân dân xã, Hội đồng Nhân dân, Mặt trận hay một số tổ chức đoàn thể quần chúng, Đoàn thanh niên,... có cả người công giáo và ngoài công giáo. Trong số 19 chủ tịch xã Trung Văn trước 1986 không có ai là người công giáo mặc dù dân công giáo chiếm 2/5 dân trong toàn xã. Trong số 8 chủ nhiệm hợp tác xã chỉ có 2 người công giáo²⁵. Từ khi Đổi mới đến nay, tình hình có được cải thiện hơn, nhưng không có những đột phá trong cơ cấu tổ chức cán bộ. Việc nhiều người công giáo bận rộn với những công việc của nhà xứ và ít có thời gian cho những công việc bên chính quyền cũng là một lý do. Tuy nhiên cũng có một số người công giáo tham gia Mặt trận Tổ quốc, Hội đồng nhân dân, Ban thanh tra nhân dân,...²⁶

Đó là những vấn đề đặt ra cho cả phía chính quyền địa phương và giáo xứ trong việc phát triển bền vững địa phương và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

5. Kết luận

Làng công giáo góp phần làm phong phú thêm bức tranh làng xã Việt Nam. Phùng Khoang là một trong những bức tranh của các làng ngoại đô Hà Nội, nơi diễn ra quá trình đô thị hoá và những hệ quả của nền kinh tế thị trường. Những số liệu trên mới chỉ là ở một địa phương chưa đủ để ta đánh giá các vấn đề một cách đầy đủ, nhưng rõ ràng sinh hoạt tôn giáo lành mạnh giúp người có đạo sống có niềm tin, có lý tưởng và điều đó có vai trò nhất định trong việc ngăn chặn suy đồi đạo đức - xã hội, góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp...

Những nghiên cứu trên cho thấy Phùng Khoang, một trong những làng công giáo khá điển hình, có bề dày lịch sử, hiện đang phát triển sôi động, nhưng kém bền vững, đang tiềm ẩn những nguy cơ bất ổn. Về phương diện kinh tế, địa phương chưa có chiến lược phát triển ngành nghề lâu dài, một phần lớn thu nhập người dân dựa vào nguồn cho

thuê trọ. Về phương diện văn hoá và xã hội, những vấn nạn xã hội xuất hiện và gia tăng. Còn tồn tại hố ngăn cách giữa hai cộng đồng người công giáo và ngoài công giáo, giữa dân chính cư và dân ngụ cư. Thêm vào đó, cơ chế lãnh đạo địa phương hiện nay đang hình thành một khoảng cách giữa người dân công giáo với cán bộ chính quyền.

CHÚ THÍCH

- ¹ Ta cần phân biệt làng công giáo phải là làng mà trong đó dân công giáo chiếm một tỷ trọng đáng kể, đồng thời có vai trò đáng kể trong thiết chế làng xã và đời sống văn hoá - tinh thần của làng. Chẳng hạn, Cổ Nhuế (tên cũ là Kê Noi) với số dân công giáo chỉ chiếm chừng 10 - 15%, tập trung ở một số thôn như Hoàng III, chỉ được coi là làng có người công giáo.
- ² Xem: Nguyễn Hồng Dương, *Làng Công giáo Lưu Phương (Ninh Bình) từ 1829 tới 1945*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997; Nguyễn Phú Lợi, *Tổ chức xứ, họ đạo Công giáo ở đồng bằng Bắc Bộ đến trước Cách mạng tháng Tám 1945*, Luận án tiến sỹ, Hà Nội, 2008.
- ³ Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp ký*, tập II, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1975, tr. 71.
- ⁴ Nhà thờ đầu tiên đã được xây dựng từ thời Tự Đức, nhưng nhỏ và sau đó bị phá huỷ.
- ⁵ Trương Bá Cần, *Công giáo Việt Nam sau quá trình 50 năm (1945 - 1995)*, Thành phố Hồ Chí Minh, 1996, tr. 153.
- ⁶ Hồ Xuân Hương từng có thơ mô tả nỗi khổ của người phụ nữ truyền thống Việt Nam trong bài thơ:
Cánh làm lẽ
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung!
Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng,
Năm thì mười họa, nên chăng chớ,
Một tháng đôi lần, có cũng không.
- ⁷ Alexandre De Rhodes, *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, bản dịch từ tiếng Pháp của Hồng Nhuệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr. 124.
- ⁸ *Hương ước cổ Hà Tây*, Nguyễn Tá Nhí dịch, Nguyễn Tá Nhí, Đặng Văn Tu giới thiệu, Bảo tàng tổng hợp Sở Văn hoá Thông tin Thể thao Hà Tây, 1993, tr. 97.
- ⁹ *Hương ước cổ Hà Tây*, Nguyễn Tá Nhí dịch, Nguyễn Tá Nhí, Đặng Văn Tu giới thiệu, Bảo tàng tổng hợp Sở Văn hoá Thông tin Thể thao Hà Tây, 1993, tr. 99.
- ¹⁰ Đình làng Phùng Khoang nằm cạnh nhà thờ xứ. Năm 1934, cha xứ Phùng Khoang định xây tượng Đức Mẹ. Người ngoài công giáo phản đối vì tượng Đức Mẹ nằm đối diện ngay đình làng. Cuộc tranh cãi chỉ kết thúc khi nhà xứ dừng kế hoạch xây tượng Đức Mẹ.
- ¹¹ *Lịch sử cách mạng xã Trung Vãn...*, sdd, tr. 37.
- ¹² Việt Minh đã định phá huỷ nhà thờ xứ Phùng Khoang, nhưng không rõ tại sao, sau lại thôi.
- ¹³ Mẹ của liệt sỹ công giáo này về sau được phong tặng danh hiệu mẹ anh hùng vì đó là con trai duy nhất.
- ¹⁴ *Lịch sử cách mạng xã Trung Vãn*, sdd, tr. 57, 60 - 61. Một số người làng nói số dân di cư còn hơn cả một nửa số dân công giáo di cư vào Nam.
- ¹⁵ Giáo hội Công giáo coi tư hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản của con người - điều hoàn toàn trái với quan niệm mác xít.
- ¹⁶ *Lịch sử cách mạng xã Trung Vãn*, sdd, tr. 73.
- ¹⁷ *Lịch sử cách mạng xã Trung Vãn*, sdd, tr. 81 - 88.
- ¹⁸ Một số người làng cho biết nữ giáo dân này về sau bị chứng bệnh tâm thần, có lẽ một phần do day dứt lương tâm sau việc đầu tố cha xứ.
- ¹⁹ Chẳng hạn, cho tới 1995 thì địa phận Hà Nội cũng mới chỉ có 33 linh mục mặc dầu Đại chủng viện thánh Giuse đã được mở lại từ 1982. Xem: Trương Bá Cần, *Công giáo Việt Nam sau quá trình 50 năm (1945-1995)*, sdd, tr. 151 - 152.

- ²⁰ Tại thời điểm tháng 12/2009, hồ bị thu hẹp lại, chỉ còn diện tích chừng 5 ha. Theo kế hoạch, hồ sẽ được cải tạo thành hồ điều hoà trong khu đô thị, nhưng hiện cũng đang được giao cho tư nhân kê lấp. Lợi dụng kẽ hở đó, những hộ tư nhân xung quanh cũng tìm cách lấn chiếm hồ bằng những nhà hàng dựng tạm nên thực tế lòng hồ chẳng còn là bao.
- ²¹ Xem: Tổng Giáo phận Hà Nội, *Báo vệ môi trường. Thiên chúa làm chủ vũ trụ và có mặt trong vũ trụ*, LM. Phê rô Đặng Xuân Thành, 31/7/2010, <http://tgphanoi.org>.
- ²² Trong số hàng trăm đảng viên xã Trung Văn chỉ có 7 đảng viên là người công giáo.
- ²³ UBND xã Trung Văn, *Báo cáo tổng kết 10 năm phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc vùng giáo (1995-2005)*, Số 278/BC-UB, ngày 19/9/2005.
- ²⁴ Đảng uỷ xã Cổ Nhuế, *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình xây dựng lực lượng cốt cán vùng đồng bào theo đạo Công giáo ở địa bàn xã*, số 24/BC/ĐU, ngày 15/7/2006.
- ²⁵ Sau 1986 tình hình có được cải thiện ít nhiều. Người công giáo đầu tiên vào năm 1989 giữ cương vị Chủ tịch Ủy ban xã Trung Văn là một phụ nữ.
- ²⁶ Tình hình ở làng Cổ Nhuế cũng không quá khác biệt.